

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 43/2005/QH11

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Khóa XI, kỳ họp thứ 7

(Từ ngày 05 tháng 5 đến ngày 14 tháng 6 năm 2005)

LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 12 năm 1981, đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất ngày 21 tháng 12 năm 1990, lần thứ hai ngày 22 tháng 6 năm 1994.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự:

1. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 12. Công dân nam đủ mười tám tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi nhập ngũ trong thời bình từ đủ mười tám tuổi đến hết hai mươi lăm tuổi”.

2. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan và binh sĩ là mười tám tháng.

Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan chỉ huy, hạ sĩ quan và binh sĩ chuyên môn kỹ thuật do quân đội đào tạo, hạ sĩ quan và binh sĩ trên tàu hải quân là hai mươi bốn tháng”.

3. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 16. Việc tính thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Thời gian đào ngũ không được tính vào thời hạn phục vụ tại ngũ”.

4. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 22. Công dân được gọi nhập ngũ phải có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ, nếu có lý do chính đáng không thể đến đúng thời gian và địa điểm thì phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi cư trú”.

5. Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 24.

1. Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng nghĩa vụ quân sự ở cấp mình để giúp Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện công tác nghĩa vụ quân sự ở địa phương.

2. Thành phần của Hội đồng nghĩa vụ quân sự các cấp được quy định như sau:

a) Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gồm có Chủ tịch là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch là Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương, các ủy viên là người phụ trách các ngành công an, tư pháp, kế hoạch, lao động - thương binh và xã hội, y tế, giáo dục, văn hóa - thông tin, tài chính và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn lao động, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh;

b) Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã, phường, thị trấn gồm có Chủ tịch là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch là xã đội trưởng, các ủy viên là người phụ

trách các ngành công an, tư pháp, y tế, tài chính và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh, một số thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

3. Hội đồng nghĩa vụ quân sự làm việc theo nguyên tắc tập thể; nghị quyết của Hội đồng phải được quá nửa tổng số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành”.

6. Điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 29.

1. Những công dân sau đây được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình:

a) Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe;

b) Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi người khác trong gia đình không còn sức lao động hoặc chưa đến tuổi lao động;

c) Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ;

d) Giáo viên, nhân viên y tế, thanh niên xung phong đang làm việc ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn; cán bộ, công chức, viên chức được điều động đến làm việc ở những vùng này;

đ) Đang nghiên cứu công trình khoa học cấp Nhà nước được Bộ trưởng, Thủ

trưởng cơ quan ngang Bộ hoặc người có chức vụ tương đương chứng nhận;

e) Đang học ở các trường phổ thông, trường dạy nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học do Chính phủ quy định;

g) Đi xây dựng vùng kinh tế mới trong ba năm đầu.

Hằng năm, những công dân thuộc diện tạm hoãn gọi nhập ngũ quy định tại khoản này phải được kiểm tra, nếu không còn lý do tạm hoãn thì được gọi nhập ngũ.

2. Những công dân sau đây được miễn gọi nhập ngũ trong thời bình:

a) Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một, con của bệnh binh hạng một;

b) Một người anh hoặc em trai của liệt sĩ;

c) Một con trai của thương binh hạng hai;

d) Thanh niên xung phong, cán bộ, công chức, viên chức quy định tại điểm d khoản 1 Điều này đã phục vụ từ hai mươi bốn tháng trở lên.

3. Công dân thuộc diện được tạm hoãn gọi nhập ngũ hoặc được miễn gọi nhập ngũ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nếu tình nguyện thì có thể được tuyển chọn, gọi nhập ngũ.

4. Chính phủ quy định cụ thể vùng

sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn”.

7. Điều 37 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 37.** Hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị được chia thành quân nhân dự bị hạng một và quân nhân dự bị hạng hai.

Quân nhân dự bị hạng một gồm hạ sĩ quan và binh sĩ đã phục vụ tại ngũ đủ thời hạn hoặc trên hạn định; hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn, nhưng đã phục vụ tại ngũ trên sáu tháng; hạ sĩ quan và binh sĩ đã trải qua chiến đấu; nam quân nhân dự bị hạng hai đã qua huấn luyện tập trung đủ sáu tháng.

Quân nhân dự bị hạng hai gồm hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn nhưng đã phục vụ tại ngũ dưới sáu tháng; công dân nam chưa phục vụ tại ngũ từ hai mươi sáu tuổi trở lên được chuyển sang ngạch dự bị; công dân nữ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự theo quy định tại Điều 4 của Luật này.”

8. Điều 39 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 39.** Căn cứ vào độ tuổi, hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị ở mỗi hạng được chia thành hai nhóm:

Nhóm A: Nam đến hết ba mươi lăm tuổi; nữ đến hết ba mươi tuổi;

Nhóm B: Nam từ ba mươi sáu tuổi đến hết bốn mươi lăm tuổi; nữ từ ba mươi một tuổi đến hết bốn mươi tuổi”.

9. Điều 52 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 52. Quân nhân chuyên nghiệp dự bị; hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập và kiểm tra sẵn sàng chiến đấu, bản thân và gia đình được hưởng chế độ chính sách do Chính phủ quy định”.

10. Khoản 3 Điều 53 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Từ tháng thứ mười chín trở đi được hưởng thêm 200% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng, từ tháng thứ hai mươi lăm trở đi được hưởng thêm 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng;”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung về từ ngữ trong một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự như sau:

1. Bỏ từ “giới” trong cụm từ “nam giới” tại các điều 3, 13, 17, 19, 20 và 38; bỏ từ “giới” trong cụm từ “nữ giới” tại Điều 38;

2. Thay cụm từ “phụ nữ” tại Điều 4 bằng cụm từ “công dân nữ”; thay từ “người” tại các điều 20, 26, 28, 31, 58, 59, 60 và 62 bằng cụm từ “công dân”; thay từ “người” trong cụm từ “người sẵn sàng nhập ngũ” tại Điều 61 bằng cụm từ “công dân”;

3. Bỏ từ “về” trong cụm từ “Luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam” tại Điều 6 và Điều 7;

4. Bổ sung cụm từ “(sau đây gọi là Chủ

tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)” vào sau cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn” tại Điều 17; thay cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn” tại Điều 19 và Điều 61 bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã”;

5. Thay cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn” tại các điều 23, 36, 54 và 64 bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”;

6. Bổ sung cụm từ “(sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện)” vào sau cụm từ “Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh” tại Điều 19; thay cụm từ “Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh” tại các điều 27, 31 và 32 bằng cụm từ “ủy ban nhân dân cấp huyện”;

7. Thay cụm từ “ở điểm 2 và điểm 3 Điều 29 của Luật này” tại Điều 33 bằng cụm từ “tại điểm b khoản 1, các điểm a, b và c khoản 2 Điều 29 của Luật này”.

Điều 3. Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Văn An

LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ (NĂM 1994)

(Đã được đăng trên Công báo số 16 ngày 31/8/1994)

Căn cứ vào các điều 44, 46, 48, 77 và 84 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 12 năm 1981 và sửa đổi, bổ sung ngày 21 tháng 12 năm 1990.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự như sau:

1. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội, nhà trường và gia đình, trong phạm vi chức năng của mình, có trách nhiệm động viên, giáo dục và tạo điều kiện cho công dân làm tròn nghĩa vụ quân sự”.

2. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, nhà trường, gia đình hoặc cá nhân có thành tích trong việc thi hành chế độ nghĩa vụ

quân sự thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước”.

3. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 17. Công dân nam giới, trước khi đến tuổi nhập ngũ và trước khi nhập ngũ, phải được huấn luyện theo chương trình quân sự phổ thông, bao gồm giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, rèn luyện ý thức tổ chức, kỷ luật và rèn luyện thể lực.

Việc huấn luyện quân sự phổ thông cho học sinh ở các trường thuộc chương trình chính khóa; nội dung huấn luyện do Bộ trưởng Bộ quốc phòng phối hợp với Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo quy định.

Việc huấn luyện quân sự phổ thông cho thanh niên không học ở các trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, thủ trưởng cơ quan Nhà nước tổ chức; nội dung huấn luyện do Bộ trưởng Bộ quốc phòng quy định.

Bộ trưởng Bộ quốc phòng cùng với người đứng đầu các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội có liên quan chỉ đạo việc huấn luyện quân sự phổ thông.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành

phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong phạm vi chức năng của mình, chỉ đạo việc huấn luyện quân sự phổ thông cho thanh niên thuộc địa phương mình; các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội có trách nhiệm tạo điều kiện cho thanh niên làm việc ở cơ sở mình tham gia huấn luyện quân sự phổ thông”.

4. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 19. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị cho công dân phục vụ tại ngũ và gọi công dân nhập ngũ.

Tháng một hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, hiệu trưởng các trường dạy nghề, các trường trung học, thủ trưởng các cơ quan, người phụ trách các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội và các đơn vị cơ sở khác phải báo cáo danh sách công dân nam giới đủ 17 tuổi trong năm đó cho Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo quy định của Bộ trưởng Bộ quốc phòng”.

5. Đoạn 1 và 2 của Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Hàng năm, việc gọi công dân nhập ngũ được tiến hành từ một đến hai lần, thời gian gọi nhập ngũ và số lượng công dân nhập ngũ trong năm do Chính phủ quyết định”.

6. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 23. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, cơ quan Nhà nước cùng các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội và các đơn vị cơ sở khác có trách nhiệm tổ chức tiễn đưa và bảo đảm cho công dân được gọi nhập ngũ của cơ sở mình có mặt đúng thời gian và địa điểm quy định.

Chính quyền nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện chế độ, chính sách đối với gia đình quân nhân”.

7. Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 24. Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng nghĩa vụ quân sự ở cấp mình để giúp Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện công tác nghĩa vụ quân sự ở địa phương.

Hội đồng nghĩa vụ quân sự gồm có Chủ tịch là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch là Chỉ huy trưởng quân sự, các ủy viên là người phụ trách các ngành kế hoạch, lao động, công an, y tế, văn hóa - thông tin, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn lao động, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh.

Hội đồng nghĩa vụ quân sự làm việc theo nguyên tắc tập thể; nghị quyết của Hội đồng phải được quá nửa tổng số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành.”.

8. Các điểm 2, 3, 4 và 5 của Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đơn đốc, kiểm tra công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự, kiểm tra sức khỏe, khám sức khỏe;

3. Đề nghị danh sách công dân được gọi nhập ngũ, được tạm hoãn và miễn gọi nhập ngũ trong thời bình, được miễn làm nghĩa vụ quân sự;

4. Đơn đốc, kiểm tra công dân thực hiện lệnh gọi nhập ngũ, lệnh tập trung huấn luyện, diễn tập, lệnh kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu;

5. Đơn đốc, kiểm tra các cơ quan và tổ chức hữu quan trong việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội và quản lý công dân trong diện làm nghĩa vụ quân sự ở địa phương.”

9. Điểm 2 và 3 của Điều 26 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Lập danh sách công dân được gọi nhập ngũ, được tạm hoãn và miễn gọi nhập ngũ trong thời bình, được miễn làm nghĩa vụ quân sự;

3. Đơn đốc, kiểm tra các cơ quan và tổ chức hữu quan trong việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội và quản lý công dân trong diện làm nghĩa vụ quân sự ở địa phương.”

10. Điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 29.

1. Những người sau đây được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình:

a) Người chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe;

b) Người là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi người khác trong gia đình không còn sức lao động hoặc chưa đến tuổi lao động;

c) Người có anh, chị hoặc em ruột trong cùng một hộ gia đình là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ;

d) Giáo viên, nhân viên y tế, thanh niên xung phong đang làm việc ở vùng cao có nhiều khó khăn, vùng sâu, biên giới, hải đảo xa xôi do Chính phủ quy định; cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước thuộc các ngành khác và cán bộ các tổ chức chính trị, xã hội được điều động đến làm việc ở những vùng nói trên;

đ) Người đang nghiên cứu công trình khoa học cấp Nhà nước được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hoặc người có chức vụ tương đương chứng nhận;

e) Người đang học ở các trường phổ thông, trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học do Chính phủ quy định;

g) Người đi xây dựng vùng kinh tế mới trong 3 năm đầu.

Hàng năm, những người nói trên đây phải được kiểm tra, nếu không còn lý do tạm hoãn thì được gọi nhập ngũ, hết 27 tuổi mà vẫn không được gọi nhập ngũ thì chuyển sang ngạch dự bị.

2. Những người sau đây được miễn gọi nhập ngũ trong thời bình:

a) Con của liệt sĩ, con của thương binh, bệnh binh hạng một có thương tật, bệnh tật đặc biệt nặng;

b) Một người anh hoặc em trai của liệt sĩ;

c) Một con trai của thương binh hạng một, hạng hai và bệnh binh hạng một;

d) Thanh niên xung phong, cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước, cán bộ các tổ chức chính trị, xã hội đã phục vụ từ 24 tháng trở lên ở vùng cao có nhiều khó khăn, vùng sâu, biên giới, hải đảo xa xôi do Chính phủ quy định.

Trường hợp những người được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này tình nguyện thì có thể được tuyển chọn, gọi nhập ngũ."

11. Điều 40 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 40. Việc huấn luyện cho hạ sĩ quan, binh sĩ trong thời gian ở ngạch dự bị quy định như sau:

1. Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị hạng một phải tham gia huấn luyện tổng số thời gian nhiều nhất là mười hai tháng.

Số lần huấn luyện và thời gian huấn luyện của mỗi lần do Bộ trưởng Bộ quốc phòng quy định.

2. Việc huấn luyện binh sĩ dự bị hạng hai do Chính phủ quy định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ quốc phòng."

12. Điều 42 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 42. Việc gọi quân nhân dự bị tập trung để huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu theo thời hạn quy định tại Điều 40 và Điều 41 của Luật này do Bộ trưởng Bộ quốc phòng quyết định.

Khi cần thiết, Bộ trưởng Bộ quốc phòng được quyền giữ quân nhân dự bị ở lại lớp huấn luyện thêm một thời gian không quá hai tháng, nhưng tổng số thời gian của các lần huấn luyện không được vượt quá thời gian đã quy định tại Điều 40 của Luật này."

13. Điều 51 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 51. Trong thời gian tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp hưởng chế độ lương, các khoản phụ cấp theo lương và các quyền lợi khác do Chính phủ quy định."

14. Điều 52 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 52. Trong thời gian tập trung huấn luyện và kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị, gia đình quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị hạng một được hưởng chế độ do Chính phủ quy định."

15. Điểm 3 của Điều 53 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Từ tháng thứ hai mươi lăm trở đi,

được hưởng thêm 200% phụ cấp hàng tháng; từ tháng thứ ba mươi bảy trở đi, được hưởng thêm một khoản phụ cấp hàng tháng do Chính phủ quy định;”

16. Điều 55 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 55. Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan và binh sĩ khi xuất ngũ được cấp tiền tàu xe, phụ cấp đi đường, được hưởng trợ cấp xuất ngũ, trợ cấp tạo việc làm do Chính phủ quy định.

Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ kể từ khi đăng ký vào ngạch dự bị thì được miễn làm nghĩa vụ lao động công ích.

Thời gian binh sĩ dự bị hạng hai tập trung huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng chiến đấu được trừ vào thời gian làm nghĩa vụ lao động công ích hàng năm”.

17. Điểm 2 của Điều 56 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Hạ sĩ quan và binh sĩ trước lúc nhập ngũ làm việc ở cơ quan, cơ sở kinh tế nào thì khi xuất ngũ, cơ quan, cơ sở kinh tế đó có trách nhiệm tiếp nhận lại. Nếu cơ quan, cơ sở cũ đã giải thể, bị đóng cửa hoặc phá sản, thì cơ quan cấp trên trực tiếp có trách nhiệm giải quyết việc làm.

Trường hợp cơ quan cấp trên cũng đã giải thể, hoặc không có cơ quan cấp trên trực tiếp, thì cơ quan Lao động - Thương binh và xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan Nhà

nước khác, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội để giải quyết việc làm; thực hiện chế độ, chính sách cho hạ sĩ quan, binh sĩ nói trên theo quy định của pháp luật về lao động và các lĩnh vực khác có liên quan”.

18. Điều 61 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 61. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Hiệu trưởng các trường dạy nghề, Trung học chuyên nghiệp, trường Cao đẳng, trường Đại học, Thủ trưởng cơ quan, người phụ trách các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội và các đơn vị cơ sở khác phải thống kê quân nhân dự bị và người sẵn sàng nhập ngũ của cơ sở mình để báo cáo với Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo quy định của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.”

19. Điều 64 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 64. Khi có lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ thì:

1. Đình chỉ việc xuất ngũ;

2. Đình chỉ việc nghỉ phép đối với quân nhân; những quân nhân đang nghỉ phép phải trở về đơn vị ngay;

3. Chỉ huy trưởng quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gọi từng công dân nhập ngũ theo quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Công dân được gọi nhập ngũ phải có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ.

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội có trách nhiệm tổ chức để công dân chấp hành nghiêm chỉnh lệnh gọi nhập ngũ.”

Điều 2. Sửa đổi một số chữ của Luật nghĩa vụ quân sự như sau:

a) Các chữ “Hội đồng Nhà nước” được sửa đổi thành các chữ “Ủy ban thường vụ Quốc hội”;

b) Các chữ “Hội đồng bộ trưởng” được sửa đổi thành các chữ “Chính phủ”;

c) Các chữ “Điều 72” được sửa đổi thành các chữ “Điều 70”;

d) Các chữ “Điều 73” được sửa đổi thành các chữ “Điều 71”.

Điều 3. Chính phủ sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật nghĩa vụ quân sự phù hợp với Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa IX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 1994. /

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nông Đức Mạnh

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ
(NĂM 1991)

(Đã được đăng trên Công báo số 3 ngày 15/02/1991)

Căn cứ vào Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 12 năm 1981.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự như sau:

1. Điều 14 về thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ, được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan và binh sĩ là hai năm.

Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan chỉ huy, hạ sĩ quan và binh sĩ chuyên môn kỹ thuật do Quân đội đào tạo, hạ sĩ quan và binh sĩ trên tàu hải quân là ba năm.”.

2. Đoạn 4 Điều 21 về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc gọi công dân nhập ngũ, được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ

trong địa phương mình, bảo đảm công khai, dân chủ và công bằng; đúng thời gian, đủ số lượng, đúng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Các đơn vị nhận quân có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện nhiệm vụ này”.

3. Điều 29 về những người được hoãn gọi nhập ngũ, được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 29. Trong thời bình, những người sau đây được hoãn gọi nhập ngũ:

1. Người chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe;

2. Con của liệt sĩ;

3. Anh hoặc em trai còn lại duy nhất của liệt sĩ;

4. Một con trai của thương binh hạng một, hạng hai và bệnh binh hàng một;

5. Người là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi người khác trong gia đình không còn sức lao động hoặc chưa đến tuổi lao động;

6. Người có anh, chị hoặc em ruột trong cùng một hộ gia đình là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ;

7. Giáo viên, nhân viên y tế, thanh niên xung phong đang làm việc ở một số vùng cao xa xôi, hẻo lánh do Hội đồng bộ trưởng quy định;

8. Người đang nghiên cứu công trình khoa học cấp Nhà nước được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước hoặc người có chức tương đương chứng nhận;

9. Người đang học ở các trường phổ thông; đang học ở các trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học thuộc hệ tập trung dài hạn do Nhà nước quản lý.

Hàng năm, những người nói ở các điểm 1, 5, 6, 7, 8 và 9 của Điều này phải được kiểm tra, nếu không còn lý do hoãn thì được gọi nhập ngũ; hết 27 tuổi mà vẫn không được gọi nhập ngũ thì chuyển sang ngạch dự bị”.

4. Điều 32 về việc xuất ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ, được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 32. Hạ sĩ quan và binh sĩ đã phục vụ tại ngũ đủ thời hạn quy định ở Điều 14 của Luật này thì được xuất ngũ. Theo lệnh của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, người chỉ huy đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên có trách nhiệm thực hiện việc xuất ngũ cho hạ sĩ quan và binh sĩ thuộc quyền.

Thời gian xuất ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ phải được thông báo trước một tháng cho quân nhân, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị cơ sở, nơi quân nhân cư

trú hoặc làm việc trước khi nhập ngũ. Người chỉ huy của đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên có hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ phải tổ chức tiễn và đưa họ về bàn giao cho Ủy ban nhân dân địa phương đã giao quân. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ về địa phương mình.”

5. Điều 38 về hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ ở ngạch dự bị, được sửa đổi như sau:

“Điều 38. Hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ ở ngạch dự bị được quy định như sau:

Nam giới, đến hết 45 tuổi;

Nữ giới, đến hết 40 tuổi”.

6. Điều 39 về chia nhóm quân nhân dự bị nam giới, được sửa đổi như sau:

“Điều 39. Căn cứ vào lứa tuổi, hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị nam giới ở mỗi hạng được chia thành 2 nhóm:

Nhóm A gồm những người đến hết 35 tuổi;

Nhóm B gồm những người từ 36 tuổi đến hết 45 tuổi”.

7. Bỏ khoản 3 Điều 40 về việc huấn luyện quân nhân dự bị ở nhóm C.

8. Điều 53 về quyền lợi của hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ, được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 53. Hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ:

1. Được bảo đảm cung cấp kịp thời, đủ số lượng, đúng chất lượng về lương thực, thực phẩm, quân trang, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh, được bảo đảm chỗ ở, phụ cấp hàng tháng và nhu cầu về văn hóa, tinh thần phù hợp với tính chất nhiệm vụ của quân đội theo chế độ, tiêu chuẩn, định lượng do Hội đồng bộ trưởng quy định;

2. Từ năm thứ 2 trở đi, được nghỉ phép theo quy định của Hội đồng bộ trưởng;

3. Từ tháng thứ 25 trở đi, được hưởng thêm 100% phụ cấp hàng tháng;

4. Được tính nhân khẩu ở gia đình khi gia đình được cấp hoặc điều chỉnh diện tích nhà ở, đất xây dựng nhà ở và đất canh tác;

5. Được tính thời gian phục vụ tại ngũ vào thời gian công tác;

6. Được ưu tiên mua vé khi đi lại bằng các phương tiện giao thông thuộc các thành phần kinh tế;

7. Được ưu đãi về bưu phí theo quy định của Hội đồng bộ trưởng".

9. Điều 54 về quyền lợi của gia đình quân nhân tại ngũ, được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 54. Quyền lợi của gia đình hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ được quy định như sau:

1. Bố hoặc vợ được tạm miễn tham gia

lao động công ích trong những trường hợp gia đình thực sự có khó khăn và được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận;

2. Bố, mẹ, vợ và con được hưởng chế độ trợ cấp khó khăn đột xuất theo chính sách chung của Nhà nước; được miễn viện phí khi khám bệnh và chữa bệnh tại các bệnh viện của Nhà nước;

3. Con gửi ở nhà trẻ, học tại các trường mẫu giáo, trường phổ thông của Nhà nước được miễn học phí và tiền đóng góp xây dựng trường".

10. Điều 55 về chế độ đối với hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ, được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 55. Hạ sĩ quan và binh sĩ khi xuất ngũ được cấp tiền tàu xe, phụ cấp đi đường và trợ cấp xuất ngũ do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Hạ sĩ quan và binh sĩ kể từ ngày có quyết định xuất ngũ được tạm miễn làm nghĩa vụ lao động công ích; cứ mỗi năm phục vụ tại ngũ thì được miễn thời gian nghĩa vụ lao động công ích của một năm.

Thời gian hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị tập trung huấn luyện và kiểm tra sẵn sàng chiến đấu được trừ vào thời gian nghĩa vụ lao động công ích hàng năm."

Điều 2. Các Điều 69, 70, 71 về việc xử lý các vi phạm được thay bằng Điều 69 mới như sau:

“Điều 69.

1. Người nào vi phạm các quy định về

đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, gọi quân nhân dự bị tập trung huấn luyện; lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái hoặc cản trở việc thực hiện các quy định trên đây hoặc vi phạm các quy định khác của Luật này, thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Quân nhân nào vi phạm các quy định về việc tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, về việc xuất ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ, về chế độ, quyền lợi của quân nhân hoặc vi phạm các quy định

khác của Luật này, thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý theo Điều lệnh kỷ luật của quân đội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự."

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1990./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Lê Quang Đạo

LUẬT

NGHĨA VỤ QUÂN SỰ (NĂM 1981)

(Đã được đăng trên Công báo số 2 ngày 31/01/1982)

Để phát huy truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân Việt Nam;

Để thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tạo điều kiện cho công dân Việt Nam làm tròn nghĩa vụ quân sự;

Để xây dựng Quân đội nhân dân chính quy và hiện đại, tăng cường quốc phòng, bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

Căn cứ vào Điều 52, Điều 77 và Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này quy định về chế độ nghĩa vụ quân sự của công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.

Công dân có bổn phận làm nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân.

Điều 2. Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Làm nghĩa vụ quân sự bao gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của quân đội.

Công dân phục vụ tại ngũ gọi là quân nhân tại ngũ.

Công dân phục vụ trong ngạch dự bị gọi là quân nhân dự bị.

Điều 3. Công dân nam giới, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, nơi cư trú, có nghĩa vụ phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 4. Phụ nữ có chuyên môn cần cho quân đội, trong thời bình, phải đăng ký nghĩa vụ quân sự và được gọi huấn luyện; nếu tự nguyện thì có thể được phục vụ tại ngũ.

Trong thời chiến theo quyết định của Hội đồng bộ trưởng, phụ nữ được gọi nhập ngũ và đảm nhiệm công tác thích hợp.

Điều 5. Những người sau đây không được làm nghĩa vụ quân sự:

1. Người đang trong thời kỳ bị pháp luật hoặc Tòa án nhân dân tước quyền phục vụ trong các lực lượng vũ trang nhân dân;

2. Người đang bị giam giữ.

Điều 6. Quân nhân tại ngũ và quân

nhân dự bị gồm có sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan và binh sĩ.

Chế độ phục vụ của sĩ quan do Luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam quy định.

Điều 7. Quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị được phong cấp bậc quân hàm tương ứng với chức vụ.

Hệ thống cấp bậc quân hàm của Quân đội nhân dân Việt Nam do Hội đồng Nhà nước quy định.

Việc phong, thăng, giáng và tước cấp bậc quân hàm của sĩ quan do Luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam quy định.

Việc phong, thăng, giáng và tước cấp bậc quân hàm của quân nhân chuyên nghiệp do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Việc phong, thăng, giáng và tước cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan và binh sĩ do Bộ trưởng Bộ quốc phòng quy định.

Điều 8. Quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị phải tuyên thệ trung thành với Tổ quốc, nhân dân và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 9. Quân nhân tại ngũ, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, có quyền và nghĩa vụ của công dân quy định trong Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 10. Các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng công đoàn

Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam, các tổ chức xã hội khác, nhà trường và gia đình, trong phạm vi chức năng của mình, có nhiệm vụ động viên, giáo dục, tổ chức và tạo điều kiện cho công dân làm tròn nghĩa vụ quân sự.

Điều 11. Địa phương, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, gia đình hoặc cá nhân có nhiều thành tích trong việc thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự quy định trong Luật này thì được Nhà nước khen thưởng.

Chương II

VIỆC PHỤC VỤ TẠI NGŨ CỦA HẠ SĨ QUAN VÀ BINH SĨ

Điều 12. Công dân nam giới đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; lứa tuổi gọi nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 27 tuổi.

Điều 13. Công dân nam giới đến 17 tuổi, có nguyện vọng phục vụ lâu dài trong quân đội, có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, thì có thể được nhận vào học ở trường quân sự và được công nhận là quân nhân dân tại ngũ.

Điều 14. Thời gian phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ quy định như sau:

1. Ba năm, đối với hạ sĩ quan và binh sĩ;
2. Bốn năm, đối với hạ sĩ quan, binh sĩ

chuyên môn, kỹ thuật do quân đội đào tạo, hạ sĩ quan và binh sĩ trên tàu hải quân;

3. Hai năm, đối với hạ sĩ quan và binh sĩ đã tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học;

4. Hai năm, đối với hạ sĩ quan và binh sĩ thuộc một số dân tộc do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 15. Khi cần thiết, Bộ trưởng Bộ quốc phòng được quyền giữ hạ sĩ quan và binh sĩ phục vụ tại ngũ thêm một thời gian không quá sáu tháng so với thời hạn quy định ở Điều 14 của Luật này.

Điều 16. Việc tính thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ do Bộ trưởng Bộ quốc phòng quy định.

Thời gian chịu kỷ luật ở đơn vị của quân đội và thời gian đào ngũ không được tính vào thời hạn tại ngũ.

Chương III

VIỆC CHUẨN BỊ CHO THANH NIÊN PHỤC VỤ TẠI NGŨ

Điều 17. Thanh niên nam giới, trước khi đến tuổi nhập ngũ và trước khi nhập ngũ, phải được huấn luyện theo chương trình quân sự phổ thông, bao gồm giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, rèn luyện ý thức tổ chức và kỷ luật, và rèn luyện về thể lực.

Việc huấn luyện quân sự phổ thông

cho học sinh ở trường phổ thông trung học, trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng và trường đại học thuộc chương trình chính khóa.

Đối với thanh niên không học ở các trường thì được huấn luyện quân sự phổ thông ở các lớp huấn luyện tổ chức tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị cơ sở khác.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, hiệu trưởng các trường, thủ trưởng các cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị cơ sở khác có trách nhiệm tổ chức huấn luyện quân sự phổ thông cho thanh niên thuộc cơ sở mình.

Nội dung huấn luyện quân sự phổ thông do Bộ trưởng Bộ quốc phòng quy định.

Điều 18. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban chỉ đạo giáo dục quốc phòng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương có trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có trách nhiệm đào tạo cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật cho quân đội, theo kế hoạch của Bộ quốc phòng đã được Hội đồng bộ trưởng phê chuẩn.

Điều 19. Khu vực chuẩn bị cho thanh niên phục vụ tại ngũ và gọi công dân là huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Tháng 1 hàng năm, hiệu trưởng các trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học, thủ trưởng các cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị cơ sở khác phải báo cáo danh sách công dân nam giới đủ 17 tuổi trong năm đó cho Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi mình đóng.

Điều 20. Tháng 4 hàng năm, theo lệnh gọi của chỉ huy trưởng quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, công dân nam giới đủ 17 tuổi trong năm đó phải đến cơ quan quân sự để đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Việc kiểm tra sức khỏe cho những người đăng ký nghĩa vụ quân sự do cơ quan y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phụ trách.

Người đã đăng ký nghĩa vụ quân sự được gọi là người sẵn sàng nhập ngũ.

Chương IV

VIỆC NHẬP NGŨ VÀ XUẤT NGŨ

Mục 1

VIỆC GỌI NHẬP NGŨ

Điều 21. Hàng năm, việc gọi công dân nhập ngũ được tiến hành từ một đến hai lần, vào tháng 2, tháng 3 và tháng 8, tháng 9.

Số lượng công dân nhập ngũ trong năm do Hội đồng bộ trưởng quyết định.

Việc gọi công dân nhập ngũ được tiến hành theo lệnh của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc gọi công dân nhập ngũ trong địa phương mình.

Theo quyết định của Ủy ban nhân dân, chỉ huy trưởng quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gọi từng công dân nhập ngũ. Lệnh gọi nhập ngũ phải được đưa trước 15 ngày.

Đối với địa phương gặp thiên tai nặng, thì Bộ trưởng Bộ quốc phòng được quyền điều chỉnh thời gian gọi công dân nhập ngũ cho địa phương đó.

Điều 22. Người được gọi nhập ngũ phải có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ; nếu không thể đến đúng thời hạn thì phải có giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân.

Người không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ đã bị xử lý theo điểm 1, Điều 69 của Luật này vẫn nằm trong diện được gọi nhập ngũ cho đến khi hết 35 tuổi.

Điều 23. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị cơ sở khác có trách nhiệm:

1. Tổ chức tiến đưa và tạo điều kiện cho người được gọi nhập ngũ của cơ sở mình có mặt đúng thời gian và địa điểm quy định;

2. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, chính sách đối với gia đình quân nhân.

Mục 2

**HỘI ĐỒNG NGHĨA VỤ
QUÂN SỰ**

Điều 24. Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng nghĩa vụ quân sự ở cấp mình để giúp Ủy ban thực hiện công tác nghĩa vụ quân sự ở địa phương.

Hội đồng nghĩa vụ quân sự các cấp gồm có Chủ tịch là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch là chỉ huy trưởng quân sự, các ủy viên là người phụ trách chính các ngành kế hoạch, lao động, công an, y tế, văn hóa, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ, và Hội liên hiệp nông dân tập thể.

Hội đồng nghĩa vụ quân sự ở các cấp làm việc theo nguyên tắc tập thể; Nghị quyết của Hội đồng phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

Điều 25. Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã, phường, thị trấn có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân:

1. Tổ chức việc tuyên truyền, giáo dục nhân dân nghiêm chỉnh thi hành nghĩa vụ quân sự;

2. Đôn đốc công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự;

3. Đề nghị danh sách công dân được gọi nhập ngũ, hoãn gọi nhập ngũ, và miễn làm nhiệm vụ quân sự;

4. Đôn đốc công dân thực hiện lệnh gọi nhập ngũ;

5. Đôn đốc các cơ quan và tổ chức hữu quan chấp hành chính sách hậu phương quân đội ở địa phương.

Điều 26. Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân:

1. Tổ chức việc khám sức khỏe cho những người trong diện được gọi nhập ngũ;

2. Lập danh sách công dân được gọi nhập ngũ, hoãn gọi nhập ngũ, và miễn làm nghĩa vụ quân sự;

3. Đôn đốc các cơ quan và tổ chức hữu quan chấp hành chính sách hậu phương quân đội ở địa phương;

4. Chỉ đạo hoạt động của Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã, phường, thị trấn.

Điều 27. Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân:

1. Chỉ đạo hoạt động của Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

2. Xem xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân đối với quyết định của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về việc gọi, hoãn gọi công dân nhập ngũ, và miễn làm nghĩa vụ quân sự.

Các khiếu nại, tố cáo phải được giải quyết chậm nhất không quá một tháng kể từ ngày nhận; đối với việc cần điều tra lâu hơn thì phải giải quyết chậm nhất không quá hai tháng.

Trong khi các khiếu nại, tố cáo của công dân đang được xem xét thì quyết định của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh vẫn được thi hành.

Điều 28. Việc khám sức khỏe cho những người trong diện được gọi nhập ngũ do Hội đồng khám sức khỏe huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phụ trách.

Kết quả khám sức khỏe phải được công bố.

Mục 3

VIỆC HOÃN GỌI NHẬP NGŨ, VIỆC MIỄN LÀM NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Điều 29. Được hoãn gọi nhập ngũ:

1. Người chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe.

Hàng năm, những người này phải được kiểm tra lại sức khỏe, để hoặc gọi nhập ngũ, hoặc chuyển sang ngạch dự bị, hoặc miễn làm nghĩa vụ quân sự.

2. Người là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi người khác trong gia đình không còn sức lao động hoặc chưa đến

tuổi lao động mà không có nơi nương tựa.

3. Người con trai còn lại duy nhất của gia đình liệt sĩ.

4. Người đang nghiên cứu công trình khoa học cấp Nhà nước được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, hoặc người có chức vụ tương đương chứng nhận.

5. Người đang học ở trường phổ thông trung học, trường dạy nghề; người đang được đào tạo dài hạn ở trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng hoặc trường đại học.

Hàng năm, những người trong trường hợp nói ở các điểm 2, 3, 4, 5 phải được xem xét lại; nếu không còn lý do hoãn thì được gọi nhập ngũ; nếu hết 27 tuổi mà vẫn còn được hoãn thì chuyển sang ngạch dự bị.

Điều 30. Người tàn tật, người mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh mãn tính khác theo danh mục bệnh tật do Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ quốc phòng quy định thì được miễn làm nghĩa vụ quân sự.

Điều 31. Việc hoãn gọi nhập ngũ và miễn làm nghĩa vụ quân sự theo Điều 29 và Điều 30 của Luật này do Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định.

Danh sách những người được hoãn gọi nhập ngũ và những người được miễn làm nghĩa vụ quân sự phải được công bố.

Mục 4

VIỆC XUẤT NGŨ

Điều 32. Hạ sĩ quan và binh sĩ đã phục vụ tại ngũ đủ thời hạn quy định ở Điều 14 của Luật này thì được xuất ngũ.

Theo lệnh của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, người chỉ huy đơn vị từ cấp trung đoàn trở lên có trách nhiệm thực hiện việc xuất ngũ cho hạ sĩ quan và binh sĩ thuộc quyền.

Phải thông báo thời gian xuất ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ cho địa phương, đơn vị cơ sở, và bản thân quân nhân biết một tháng trước khi hết hạn phục vụ tại ngũ.

Điều 33. Hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ có thể được xuất ngũ trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:

1. Được Hội đồng giám định y khoa quân sự kết luận là không đủ sức khỏe để tiếp tục phục vụ tại ngũ;

2. Có hoàn cảnh gia đình như quy định ở điểm 2 và điểm 3, Điều 29 của Luật này.

Điều 34. Hạ sĩ quan và binh sĩ đã hết hạn phục vụ tại ngũ có thể tình nguyện ở lại phục vụ trên hạn định thêm một thời gian ít nhất là một năm.

Chế độ phục vụ tại ngũ trên hạn định của hạ sĩ quan và binh sĩ do Bộ trưởng Bộ quốc phòng quy định.

Điều 35. Hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ khi về đến nơi cư trú, trong thời hạn mười lăm ngày, phải đến Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để đăng ký vào ngạch dự bị.

Điều 36. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, thủ trưởng các cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị cơ sở khác có trách nhiệm:

1. Tổ chức đón tiếp những quân nhân xuất ngũ trở về;
2. Tạo điều kiện cho quân nhân xuất ngũ nhanh chóng ổn định đời sống.

Chương V

VIỆC PHỤC VỤ CỦA HẠ SĨ QUAN VÀ BINH SĨ DỰ BỊ

Điều 37. Hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị chia thành quân nhân dự bị hạng 1 và quân nhân dự bị hạng 2.

Quân nhân dự bị hạng 1 gồm hạ sĩ quan và binh sĩ đã phục vụ tại ngũ đủ thời hạn hoặc trên hạn định; hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn, nhưng đã phục vụ tại ngũ trên 1 năm; hạ sĩ quan và binh sĩ đã trải qua chiến đấu.

Quân nhân dự bị hạng 2 gồm hạ sĩ quan và binh sĩ đã phục vụ tại ngũ dưới 1 năm; công dân nam giới chưa phục vụ tại ngũ vì lý do nói ở Điều 29 của Luật này và đã được chuyển sang ngạch dự bị; phụ nữ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự theo Điều 4 của Luật này.

Quân nhân nam giới thuộc loại dự bị hạng 2, nếu đã qua huấn luyện tập trung 12 tháng, thì được chuyển lên quân nhân dự bị hạng 1.

Điều 38. Hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ ở ngạch dự bị quy định như sau:

Nam giới, đến hết 50 tuổi;

Phụ nữ, đến hết 40 tuổi.

Điều 39. Căn cứ vào lứa tuổi, quân nhân dự bị nam giới ở mỗi hạng được chia thành 3 nhóm:

Nhóm A gồm những người đến hết 35 tuổi;

Nhóm B gồm những người từ 36 tuổi đến hết 45 tuổi;

Nhóm C gồm những người từ 46 tuổi đến hết 50 tuổi.

Điều 40. Việc huấn luyện cho quân nhân dự bị quy định như sau:

1. Trong thời gian ở nhóm A, quân nhân dự bị hạng 1 được huấn luyện nhiều nhất là bốn lần, mỗi lần từ 2 tháng đến 3 tháng; quân nhân dự bị

hạng 2 được huấn luyện nhiều nhất là 5 lần, mỗi lần từ 2 tháng đến 3 tháng;

2. Trong thời gian ở nhóm B, quân nhân dự bị hạng 1 và hạng 2 được huấn luyện từ 1 đến 2 lần, mỗi lần từ 1 tháng đến 2 tháng;

3. Trong thời gian ở nhóm C, quân nhân dự bị hạng 1 và hạng 2 được huấn luyện một lần, thời gian là 1 tháng.

Điều 41. Giữa các lần huấn luyện, Bộ trưởng Bộ quốc phòng được quyền gọi tập trung quân nhân dự bị để kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu, trong thời gian không quá 7 ngày.

Điều 42. Việc gọi quân nhân dự bị tập trung để huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu theo thời hạn nói ở Điều 40 và Điều 41 của Luật này do Bộ trưởng Bộ quốc phòng quyết định.

Khi cần thiết, Bộ trưởng Bộ quốc phòng được quyền giữ quân nhân dự bị ở lại lớp huấn luyện thêm một thời gian không quá 2 tháng hoặc tăng số lần huấn luyện của quân nhân dự bị ở nhóm A và nhóm B, nhưng tổng số thời gian của các lần huấn luyện không vượt quá thời gian đã quy định ở Điều 40 và Điều 41 của Luật này.

Điều 43. Việc kiểm tra sức khỏe cho quân nhân dự bị do cơ quan y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phụ trách.

Điều 44. Hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị

hết hạn tuổi hoặc không còn đủ sức khỏe phục vụ ở ngạch dự bị thì được giải ngạch theo quyết định của Chỉ huy trưởng quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Chương VI

VIỆC PHỤC VỤ CỦA QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP

Điều 45. Quân nhân chuyên nghiệp là quân nhân có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cần thiết cho các công tác chỉ huy, chiến đấu, bảo đảm chiến đấu, xây dựng quân đội, và tình nguyện phục vụ lâu dài trong quân đội.

Điều 46. Hạ sĩ quan và binh sĩ hết hạn phục vụ tại ngũ hoặc đang ở ngạch dự bị, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật nếu tự nguyện thì có thể được nhận làm quân nhân chuyên nghiệp.

Điều 47. Quân nhân chuyên nghiệp có thể phục vụ tại ngũ từng thời hạn cho đến 50 tuổi.

Điều lệ phục vụ tại ngũ của quân nhân chuyên nghiệp do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 48. Quân nhân chuyên nghiệp xuất ngũ thì chuyển sang phục vụ ở ngạch dự bị, theo các quy định đối với hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị.

Người có đủ tiêu chuẩn thì được phong

quân hàm sĩ quan và đăng ký vào ngạch dự bị của sĩ quan.

Chương VII

NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI CỦA QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, HẠ SĨ QUAN, BINH SĨ TẠI NGŨ VÀ DỰ BỊ

Điều 49. Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và dự bị có nghĩa vụ:

1. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, nhân dân và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu hy sinh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao;

2. Tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân, kiên quyết bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân;

3. Gương mẫu chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh, điều lệ của quân đội;

4. Ra sức học tập chính trị, quân sự, văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ, rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật và thể lực, không ngừng nâng cao bản lĩnh chiến đấu.

Điều 50. Quân nhân chuyên nghiệp,

hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ và dự bị được gọi tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu nếu có thành tích trong chiến đấu, công tác, huấn luyện, thì tùy theo công trạng mà được tặng thưởng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc các hình thức khen thưởng khác.

Điều 51. Trong thời gian tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp hưởng chế độ lương, hạ sĩ quan và binh sĩ hưởng chế độ cung cấp theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

Điều 52. Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị, trong thời gian tập trung huấn luyện và kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu, được hưởng chế độ đãi ngộ do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 53. Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ:

1. Được bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần;
2. Được tính nhân khẩu ở gia đình khi gia đình được phân phối nhà ở hoặc được điều chỉnh đất ở và đất canh tác dành cho kinh tế phụ gia đình;
3. Được tính thời gia phục vụ tại ngũ vào thời gian công tác;
4. Được ưu tiên mua vé khi đi lại bằng các phương tiện giao thông công cộng;
5. Được ưu đãi về bưu phí theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

Điều 54. Gia đình của quân nhân tại ngũ được chính quyền và các tổ chức xã hội ở địa phương chăm sóc, giúp đỡ; được hưởng chế độ ưu đãi do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Điều 55. Hạ sĩ quan và binh sĩ khi xuất ngũ được hưởng phụ cấp xuất ngũ, tiền tàu xe, phụ cấp đi đường và được cấp quân trang theo quy định của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

Điều 56.

1. Hạ sĩ quan và binh sĩ phục vụ tại ngũ đủ thời hạn hoặc trên hạn định, khi xuất ngũ về địa phương, được chính quyền các cấp giải quyết ưu tiên trong tuyển sinh, tuyển dụng, hoặc trong việc sắp xếp việc làm.

2. Hạ sĩ quan và binh sĩ, trước lúc nhập ngũ đã làm việc ở cơ sở nào, thì khi xuất ngũ được về làm việc tại cơ sở đó.

Nếu cơ sở cũ đã giải thể thì cơ quan cấp trên trực tiếp có trách nhiệm tiếp nhận.

3. Hạ sĩ quan và binh sĩ, trước lúc nhập ngũ đã tốt nghiệp các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng hoặc đại học, nhưng chưa được phân phối công tác, thì khi xuất ngũ được ưu tiên phân phối công tác và được miễn chế độ tập sự.

4. Hạ sĩ quan và binh sĩ, trước lúc nhập ngũ có giấy gọi vào học ở các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng hoặc đại học, thì khi xuất ngũ được vào học ở các trường đó.

Điều 57. Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và dự bị, nếu bị thương, bị bệnh hoặc chết trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hoặc thực hiện nhiệm vụ quân sự, thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

Chương VIII

VIỆC ĐĂNG KÝ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Điều 58. Việc đăng ký quân nhân dự bị và người sẵn sàng nhập ngũ được tiến hành tại nơi họ cư trú theo hai cấp:

1. Đăng ký ở xã, phường, thị trấn do Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn phụ trách;

2. Đăng ký ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh do Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phụ trách.

Điều 59. Quân nhân dự bị và người sẵn sàng nhập ngũ, khi chuyển chỗ ở đến địa phương khác, phải đến Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để xóa tên trong sổ đăng ký; khi đến nơi ở mới, trong thời hạn bảy ngày, phải đến Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và trong thời hạn mười ngày, phải đến Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để ghi tên vào sổ đăng ký.

Điều 60. Khi quân nhân dự bị và người sẵn sàng nhập ngũ có thay đổi về địa chỉ nơi làm việc hoặc nơi học tập, về chức vụ công tác, về trình độ văn hóa, thì trong thời hạn mười ngày, phải đến Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn để đăng ký bổ sung.

Điều 61. Thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp và các tổ chức khác của cấp trên đóng ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải thống kê quân nhân dự bị và người sẵn sàng nhập ngũ của cơ sở mình và gửi đến Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, theo quy định của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

Điều 62. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an và các cơ quan hữu quan khác, trong phạm vi chức năng của mình, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp trong việc thực hiện các quy định về quản lý người sẵn sàng nhập ngũ và quân nhân dự bị.

Chương IX

VIỆC NHẬP NGŨ THEO LỆNH TỔNG ĐỘNG VIÊN HOẶC LỆNH ĐỘNG VIÊN CỤC BỘ, VIỆC XUẤT NGŨ THEO LỆNH ĐỘNG VIÊN

Điều 63. Khi có lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ, việc gọi nhập ngũ theo các lệnh đó, và những lần gọi tiếp được tiến hành theo quyết định của

Hội đồng Bộ trưởng và lệnh của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

Điều 64. Khi có lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ thì:

1. Việc xuất ngũ sẽ đình lại đối với quân nhân hết thời hạn phục vụ tại ngũ;

2. Quân nhân dự bị phải có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ.

Điều 65. Việc miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 66. Trong thời chiến, gia đình quân nhân được hưởng chế độ ưu đãi do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Điều 67. Khi có lệnh phục viên quân đội sau chiến tranh, việc cho quân nhân xuất ngũ được tiến hành theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng và lệnh của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

Điều 68. Quân nhân xuất ngũ nói ở Điều 67 được hưởng các quyền lợi như quy định ở Điều 55 và Điều 56 của Luật này.

Chương X

VIỆC XỬ LÝ CÁC VI PHẠM

Điều 69.

1. Người nào đang ở lứa tuổi làm nghĩa vụ quân sự mà không chấp hành đúng

những quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, lệnh gọi tập trung huấn luyện thì tùy mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý bằng biện pháp hành chính, bị phạt cải tạo không giam giữ từ ba tháng đến hai năm, hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

Phạm tội trong thời chiến hoặc có tình tiết tăng nặng khác thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn, làm trái các quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện, thì tùy mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý theo kỷ luật hành chính, hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

3. Người nào có hành vi cản trở việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, việc thi hành lệnh gọi nhập ngũ, lệnh gọi tập trung huấn luyện, thì tùy mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý bằng biện pháp hành chính, hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Phạm những tội nói ở điểm 2 và điểm 3 trong thời chiến hoặc có tình tiết tăng nặng khác, thì bị phạt tù đến mười năm.

Điều 70. Quân nhân đào ngũ thì bị xử lý theo điều lệnh kỷ luật của quân đội, hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Phạm tội trong thời chiến hoặc có tình

tiết tăng nặng khác thì bị phạt tù đến 10 năm 1962 và ngày 10 tháng 4 năm 1965.

Điều 71. Người nào bao che người phạm tội nói ở điểm 1, Điều 69, và ở Điều 70 của Luật này thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý theo kỷ luật hành chính, hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Điều 73. Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, kỳ họp thứ 2, thông qua ngày 30 tháng 12 năm 1981. /.

Chương XI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 72. Luật này thay thế Luật nghĩa vụ quân sự ngày 15 tháng 4 năm 1960, và các Luật sửa đổi và bổ sung Luật nghĩa vụ quân sự ngày 26 tháng

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Nguyễn Hữu Thọ